

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/ 9/2020

***V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình"***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.
 - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2020/TLST- HN&GD ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐ-HPT ngày 14/9/2020.

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 19, phân trại K1- Trại giam N, tỉnh Ninh Bình.

Chị T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2020, bản tự khai ngày 08/6/2020 chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 08/8/2001 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống tại thôn 7, xã G. Thời gian sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh T thường xuyên cờ bạc và đánh chửi chị nhiều lần chị khuyên bảo không được. Chị T xác định tình cảm của chị với anh T thực sự không còn nếu kéo dài thì ảnh hưởng không tốt tới cuộc sống của chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Mai Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Mai Anh T, sinh ngày 23/5/2002. Cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của anh T: Trong bản tự khai ngày 25/8/2020 tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình, anh trình bày;

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian và việc đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2010 sau khi chị T đi lao động xuất khẩu ở MaLaiXia, đến năm 2019 về, thời gian xa cách 8 năm mọi thứ đã thay đổi.

Về tình cảm: chị T xin ly hôn khi anh đang chấp hành án phạt tù, anh chưa sẵn sàng, nguyện vọng anh chỉ xin sau này anh được trở về thì anh đồng ý với ý kiến của chị T.

Về con chung: Anh xác định có 01 con chung như chị T trình bày, anh xin Tòa xem xét, giờ anh không biết con như thế nào.

Về tài sản chung, công nợ chung: Sau khi anh chấp hành xong hình phạt tù. Anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa . Việc chấp hành pháp luật của tham gia tố tụng.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về án

phí. Đề nghị xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Mai Văn T.

2. Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa chị Đinh Thị T và anh Mai Văn T. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị T, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị T đã nhận và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình, còn anh T tuy anh có viết tự khai nhưng từ chối không thể hiện ý kiến quan điểm rõ ràng của anh về yêu cầu khởi kiện của chị T. Đến ngày 28/8/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2001 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Thôn 7, xã G. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chị T và anh T trình bày có khác nhau, nhưng qua xác minh thì vợ chồng chị T, anh T thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có hiệu quả. Việc chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T hay đánh, chửi chị T và chơi cờ bạc là có cơ sở, hiện anh T đang chấp hành án phạt tù về tội “Đánh bạc” tại Trại giam N. Từ thực tế đời sống tình cảm của vợ chồng chị T, anh T thì không còn khả năng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T với anh T để hai người ổn định cuộc sống. (Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung: Chị T và anh T và có 01 con chung là Mai Anh T, sinh ngày 23/5/2002 đã trưởng thành sống tự lập, chị T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung về công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị T và anh T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T.

Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000511 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã G.
- Dương sự.
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực